

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24-10-2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Thanh

Bà Đỗ Thị Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-10-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18-10-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố B (nay là tổ dân phố Ng), phường Ng, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Hồng V, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố B (nay là tổ dân phố Ng), phường Ng, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 08-8-2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Bùi Văn Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh xây dựng hạnh phúc với chị Huỳnh Thị Hồng V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 13-8-2015. Sau khi kết hôn, anh và chị V sống chung tại tổ dân phố B (nay là tổ dân phố Ng), phường Ng, quận Đ. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong phát triển kinh tế gia đình, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Anh và chị V đã sống ly thân từ tháng 3-2019 đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V.

- Về con chung: Anh và chị V không có con chung.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị V theo quy định của pháp luật, nhưng chị không đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án không có bản tự khai của chị V.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về hôn nhân giữa anh Đ và chị V, thể hiện: Trong quá trình chung sống, anh Đ và chị V thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, công việc làm ăn không thuận lợi, thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Gia đình và chính quyền địa phương đều xác nhận vợ chồng anh chị không có con chung.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự, nhưng chị V không đến tham gia. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị V theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt theo các quyết định của Tòa án, vi phạm khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn.

Về hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa anh Đ và chị V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm

Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ được ly hôn chị V; không giải quyết về con chung và tài sản chung.

Về án phí, anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn là chị Huỳnh Thị Hồng V, cư trú tại: Phường Ng, quận Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 18-10-2019, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị V.

[3] Về hôn nhân: Anh Đ và chị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 13-8-2015 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Anh Đ trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Sau khi kết hôn anh Đ và chị V về chung sống cùng gia đình anh Đ tại tổ dân phố B (nay là tổ dân phố Ng), phường Ng, quận Đ. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong phát triển kinh tế gia đình, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Anh chị lại không có con chung nên tình cảm vợ chồng càng lạnh nhạt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm và kinh tế. Lời khai của anh Đ phù hợp với ý kiến của gia đình anh Đ và xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Anh Đ thừa nhận quan hệ hôn

nhân của anh chị trên thực tế đã không còn tồn tại, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V.

[5] Xét thấy, anh Đ và chị V đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh Đ và chị V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.

[6] Về việc nuôi con: Anh Đ và chị V không có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Anh Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Anh Đ và chị V có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn Đ được ly hôn chị Huỳnh Thị Hồng V.

2. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Đ đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai số 0007042 ngày 13-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Đ và chị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND xã Th, huyện B, tỉnh Long An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

